

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Công Ny

2/ Bà Đỗ Thị Lệ Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-HN ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Bé P, sinh năm 1993

ĐKTT: ấp M, xã K, huyện P, thành phố Cần Thơ

Chỗ ở hiện nay: 130 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Đặng Quốc V, sinh năm 1987

ĐKTT: 16/20 đường X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

Chỗ ở hiện nay: 130 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2021 và bản tự khai nguyên đơn – bà Ngô Thị Bé P trình bày:

Bà và ông Đặng Quốc V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông V không biết quan tâm, chia sẻ, do gia đình ông V đối xử không tốt với bà và nhiều lý do khác làm bà chịu đựng nhiều năm nay nhưng vì con mà phải cố gắng. Bà đã nhiều lần nói chuyện với ông V nhưng ông V cũng không thay đổi. Bà và ông V ra ngoài thuê nhà ở để tránh va chạm với gia đình ông V nhưng cũng không được sự quan tâm của ông V. Đến nay, nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Bà và ông V có 02 con chung tên Đặng Bảo N (nữ) sinh ngày 24/9/2012 và Đặng Gia B (nam) sinh ngày 12/7/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Bà có khả năng để nuôi con vì hiện tại bà đang mở cửa hàng buôn bán nên có điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc cho con.

Bà và ông V không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn - ông Đặng Quốc V trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà P về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Theo ông trong thời gian chung sống vợ chồng ông không có mâu thuẫn. Ông rất thương vợ và thương con nên không muốn con cái không được sống trong gia đình trọn vẹn nên ông không đồng ý ly hôn. Hiện tại ông cũng phụ bà P trong việc buôn bán hàng ngày và chăm sóc con. Ông cũng thừa nhận bản thân không được nhanh nhẹn, không biết ăn nói nên không biết cách thể hiện tình cảm của bản thân. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P thì ông đồng ý giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông vẫn tới lui thăm, chăm sóc các con và khi lớn lên các con sẽ quyết định ở với ông hay với bà P.

Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến. Tòa án lập biên bản quy định thời gian là 01 tháng để tạo điều kiện cho các bên tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng theo nguyện vọng của ông V. Tuy nhiên, hết thời hạn này bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông V vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến nào khác. Do đó, vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Bà P giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, bà và ông V không có tài sản chung, không có nợ chung.

Ông V vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Ngô Thị Bé P và ông Đặng Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 044/2012, quyền số 01/2012 07/8/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà Ngô Thị Bé P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Quốc V nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đặng Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Bé P và lời trình bày của ông Đặng Quốc V:

Theo bà Ngô Thị Bé P trình bày thì trong quá trình chung sống giữa bà và ông Đặng Quốc V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không được hạnh phúc. Mặc dù bà đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Ông Đặng Quốc V cho rằng giữa ông và bà P không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình cùng chung sống, có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau... Tuy ông V xác định cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng bà P cho rằng không còn tình cảm nên giữa vợ chồng không trò chuyện, trao đổi, không có sự quan tâm, chia sẻ nên yêu cầu được ly hôn. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho các bên có thời gian để tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng hết thời hạn này và tại phiên tòa bà P vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông V vắng mặt và không có ý kiến nào khác. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà P và ông V mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà P và ông V khai thống nhất có 02 con chung tên Đặng Bảo N (nữ) sinh ngày 24/9/2012 và Đặng Gia B (nam) sinh ngày 12/7/2017. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông V cũng có ý kiến thống nhất giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trong trường hợp yêu cầu ly hôn của bà P được chấp nhận. Đồng thời, cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà P không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Bà P và ông V xác định không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà P và ông V trình bày không có nợ chung nên ghi nhận. Nếu sau này phát sinh tranh chấp giữa người khác với bà P, ông V và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Ngô Thị Bé P.
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Bé P được ly hôn với ông Đặng Quốc V.
 - Về con chung: Giao 02 con chung tên Đặng Bảo N (nữ) sinh ngày 24/9/2012 và Đặng Gia B (nam) sinh ngày 12/7/2017 cho bà Ngô Thị Bé P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà P không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà P, ông V là không có nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị Bé P phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, cản trở vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 003632 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ thì bà P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDQN;
- CCTHADSQN;
- UBND P, A,
Q.N, TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Mai